TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-ST
Ngày: 28 - 12 - 2023
Về việc "Tranh chấp đòi nợ tiền biêu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp đòi nợ tiền biêu"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn:*** Bà **Trần Thị P**, sinh năm: 1958

Địa chỉ: 94 Phạm Hữu K, tổ 48, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, Thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm: 1960

Địa chỉ: 07 Võ Như H, tổ 49 phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng;

Hiện tạm trú tại: 291 Lê Văn H1, phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2023 của nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

Tôi và bà Đỗ Thị T (tên thường gọi là Xuân Thơ) có thỏa Tận chơi phần biêu như sau:

1. Ngày 20/9/2018 AL: Tôi có đậy cho bà T một phần biêu, bà T đã nhận của tôi số tiền là 68.000.000 đồng có giấy kí nhận đầy đủ và cam kết đến ngày 20/4/2020 AL bà T sẽ trả đủ cho tôi số tiền 100.000.000 đồng. Nhưng đến nay bà T vẫn không trả đủ số tiền cho tôi.

2. Ngày 10/12/2018 AL: Tôi có đậy cho bà T một phần biêu, bà T đã nhận của tôi số tiền là 69.000.000 đồng có giấy ký nhận đầy đủ và cam kết đến ngày 10/7/2020 AL bà T sẽ trả cho tôi số tiền là 100.000.000 đồng. Nhưng đến nay bà T vẫn không trả số tiền trên cho tôi.

3. Ngày 10/7/2019 AL: Tôi có đậy cho bà T một phần biêu, bà T đã nhận của tôi số tiền là 70.000.000 đồng có giấy ký nhận đầy đủ. Nhưng đến nay bà T vẫn không trả số tiền trên cho tôi.

4. Ngày 20/11/2019 AL: Tôi có đậy cho bà T một phần biêu. Bà T đã nhận của tôi 61.200.000 đồng có giấy kí nhận đầy đủ. Nhưng đến nay bà T vẫn không trả số tiền trên cho tôi.

5. Ngày 20/12/2019 AL: Tôi có đậy cho bà T một phần biêu, bà T đã nhận của tôi số tiền là 68.000.000đ + 66.000.000đ = 134.000.000 đồng có giấy ký nhận đầy đủ. NH đến nay bà T vẫn không trả số tiền trên cho tôi.

6 Ngày 20.2 2020 AL: bà T có đến nhà tôi kế hoàn cảnh khó khăn và mua số tiền 30.000.000 đồng và hứa trả lại sau 2 tháng. Nhưng đến nay bà T vẫn không trả số tiền trên cho tôi.

7. Ngoài ra, tôi và bà T có chơi các phần biêu như sau:

a. Vô biêu ngày 15/12/2018 AL. Mỗi tháng bà T đến lấy của tôi 5 triệu, tính đến ngày 15/4/2020, bà T thông báo ngừng chơi biêu, bà T đã lấy của tôi tổng cộng (17 tháng): 17 x 5 = 85 triệu;

b. Vô biêu ngày 10/8/2019 AL: Mỗi tháng bà T đến lấy của tôi 5 triệu. Tính đến nay ngày 15/4/2020, bà T thông báo ngừng chơi biêu, bà T đã lấy của tôi tổng cộng (05 tháng) 5 x 5 = 25 triệu;

Tổng cộng bà T đã nhận của tôi số tiền lên đến 650.000.000 đồng. Vào ngày 26/12/2020 DL, tôi có đến nhà bà T đề xác định lại nợ. Bà Đỗ Thị T xác nhận là nợ vay của chị P và tiền biêu xin trả nhỏ hàng tháng, bà T xin trả số tiền gốc 444.000.000 đồng. Khoảng tháng 1 năm 2021, tôi có đến thông báo cho bà T biết bà nợ tôi quá lâu, không chịu trả, tôi sẽ làm đơn kiện tại Tòa án. Sau đó, bà T có trả 2 lần được 13.000.000 đồng. 444.000.000 đồng - 13.000.000 đồng = 431.000.000 đồng. Đầu năm 2021, tôi có nộp đơn khởi kiện tại Toà án quận Ngũ Hành S, ngày 23/11/2021 Tòa án

buộc bà T trả nợ, nhưng bà T mới trả thêm 93.000.000 đồng. 431.000.000 đồng - 93.000.000 đồng còn lại 338.000.000 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị T trả tiền nợ cho tôi tổng số tiền là 338.000.000 đồng và không yêu cầu bà T phải trả lãi.

Bị đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Theo giấy thỏa thuận ngày 23/11/2021, tôi xác nhận có nợ của bà P số tiền 431.000.000 đồng, sau đó tôi có thAh toán được 93.000.000 đồng cho bà P, nay tôi xác nhận còn nợ của bà P số tiền 338.000.000 đồng nH do điều kiện làm ăn khó khăn nên tôi chưa có đủ tiền để trả cho bà P. Do đó, tôi xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị P nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có mối quan hệ quen biết nên từ ngày 20/9/2018 đến ngày 20/12/2019 giữa bà Trần Thi P và bà bà Đỗ Thị T có thỏa thuận chơi biêu với số tiền 650.000.000 đồng.

Vào ngày 26/12/2020 bà Đỗ Thị T xác nhận là nợ vay của bà P và tiền biêu xin trả nhỏ hàng tháng với số tiền gốc là 444.000.000 đồng; sau đó, bà T có trả 2 lần cho bà P số tiền là 13.000.000 đồng.

Ngày 23/11/2021, bà P và bà T lập biên bản thỏa thuận xác nhận bà T có nợ của bà P số tiền 431.000.000 đồng và cam kết đến hết tháng 01/2021 bà T sẽ trả tiếp cho bà P 25.000.000 đồng; kể từ tháng 02/2021 thì bà T sẽ trả cho bà P mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ vay. Tuy nhiên, sau đó bà T đã không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết mà chỉ thanh toán cho bà P được 93.000.000 đồng. Do bà T đã không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết nên bà P đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền nợ trên nhưng bà T vẫn cố tình trốn tránh trách nhiệm việc trả nợ cho bà P dẫn đến việc phát sinh tranh chấp. Căn cứ ban đầu bà Trần Thị P khởi kiện bà Đỗ Thị T yêu cầu trả lại số tiền nợ là giấy thỏa Tận ngày 23/11/2021 do bà Đỗ thị T ký.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị P yêu cầu bà Đỗ Thị T phải trả số tiền tiền nợ là 338.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Còn bà Đỗ Thị T xác nhận có nợ của bà Trần Thị P số tiền 338.000.000 đồng nhưng do điều kiện làm ăn khó khăn nên chưa có đủ tiền để trả cho bà P. Do đó, bà

xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết khoản nợ. Việc bà T trình bày do điều kiện làm ăn khó khăn nên xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết khoản nợ điều đó thể hiện bà T không có thiện chí trả nợ, mà chỉ nhằm kéo dài thời gian, trì hoãn việc trả nợ gây thiệt hại cho bà P.

Xét thấy số tiền bà T nợ bà P đã lâu nH bà T không có thiện chí trả nợ dứt điểm cho bà P. Vì vậy, việc bà P yêu cầu bà T trả nợ là hoàn toàn chính đáng và phù hợp, xét cần chấp nhận.

Việc bà P không yêu cầu phần tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P; buộc bà Đỗ thị T phải trả cho bà Trần Thị P số tiền nợ là 338.000.000 đồng là phù hợp theo Điều 166, Điều 471 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch 5% của số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 471 Bộ luật dân sự. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp đòi nợ tiền biêu của bà Trần Thị P đối với bà Đỗ Thị T.

Tuyên xử: Buộc bà Đỗ Thị T phải trả cho bà Trần Thị P số tiền nợ là 338.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm: 16.900.000 đồng, bà Đỗ Thị T phải chịu.

Hoàn trả cho bà Trần Thị P số tiền tạm ứng án phí 8.450.000 đồng đã nộp, theo biên lai T số 0001552 ngày 27/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm